

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, Văn phòng Bộ (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 162a /QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 02 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1	1.002903	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại	Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng	Cục Hàng không Việt Nam
2	1.002899	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại		
3	1.003472	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng thương hiệu của hãng hàng không khác đối với hãng hàng không kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại		
4	1.000312	Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung		Cục Hàng không Việt Nam; Bộ Giao thông vận tải
5	1.000423	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung		
6	1.000452	Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
7	1.000465	Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay		

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ và có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hàng không chung, loại tàu bay, khu vực bay hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do;

- Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo mẫu sau khi có ý kiến chấp thuận của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Các hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại theo mẫu;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các loại tài liệu sau:

+ Giấy phép thành lập hoặc Giấy phép hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức);

+ Giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân);

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các tài liệu sau:

+ Thẻ thường trú tại Việt Nam (đối với công dân nước ngoài thường trú tại

Việt Nam);

+ Giấy phép thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam (đối với văn phòng đại diện và chi nhánh của tổ chức nước ngoài);

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các loại tài liệu sau:

+ Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay;

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của tàu bay.

- Bản chính Phương án khai thác, bảo dưỡng tàu bay;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) Giấy phép, chứng chỉ phù hợp của thành viên tổ bay;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) Giấy phép hoạt động của cơ sở bảo dưỡng tàu bay;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) hợp đồng thuê bảo dưỡng tàu bay trong trường hợp thuê dịch vụ bảo dưỡng.

b) Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 35 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung.

1.8. Phí, lệ phí: 10.000.000 đồng/lần

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 tháng 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014.

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 8 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

1.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính**1.12.1. Mẫu đơn**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Kính gửi:(tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: *(ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)*Giới tính:.....

Chức danh:

Ngày tháng năm sinh: .../.../.....Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân:

hoặc số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty (đối với tổ chức):

Đề nghị cấp Giấy đăng ký hoạt động hàng không chung với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp hoặc cá nhân:

2. Địa chỉ trụ sở chính hoặc địa chỉ nơi cư trú:

Điện thoại:..... Fax: Email: Website:

Giấy phép thành lập hoặc Giấy phép hoạt động hoặc mã số doanh nghiệp (đối với tổ chức):....

3. Nhãn hiệu của tổ chức hoặc cá nhân:

4. Loại hình dự kiến hoạt động:.....

5. Cảng hàng không, sân bay căn cứ:

6. Số lượng, chủng loại, số hiệu đăng ký tàu bay:

7. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu, số và ngày cấp Giấy phép lái tàu bay của thành viên tổ bay:

.....

.....

.....

8. Họ tên, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu, chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

Tôi và các thành viên cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép.

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

*(Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên/
Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp lệ của
tổ chức, cá nhân)*

Kèm theo Đơn đề nghị:

-
-
-

Hướng dẫn:

- Công dân Việt Nam cung cấp thông tin Số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai các thông tin quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, giới tính, chỗ ở hiện tại trong Đơn đề nghị.

- Công dân cung cấp thông tin về Hộ chiếu khai đầy đủ thông tin theo mẫu đơn.

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ và có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hàng không chung, loại tàu bay, khu vực bay hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do;

- Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo mẫu sau khi có ý kiến chấp thuận của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Các hình thức phù hợp khác.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Bản chính văn bản đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- Các tài liệu liên quan đến các nội dung thay đổi.

b) Số lượng: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 35 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung.

2.8. Phí, lệ phí: 5.000.000 đồng/lần

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung.

2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014.

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 8 ngày 11 tháng 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

2.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:**2.12.1. Mẫu đơn**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Kính gửi:(tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: *(ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)*Giới tính:

Chức danh:

Ngày tháng năm sinh:Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân:

hoặc số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty (đối với tổ chức):

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung với những nội dung sửa đổi như sau:

Nội dung sửa đổi:

Lý do sửa đổi:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Đối với tổ chức;

Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên/

Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp lệ của tổ chức)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên/

Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp lệ của cá nhân)

Kèm theo Đơn đề nghị:

-.....;

-.....;

-.....;

Hướng dẫn:

- Công dân Việt Nam cung cấp thông tin Số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai các thông tin quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, giới tính, chỗ ở hiện tại trong Đơn đề nghị.

- Công dân cung cấp thông tin về Hộ chiếu khai đầy đủ thông tin theo mẫu đơn.

3. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng thương hiệu của hãng hàng không khác đối với hãng hàng không kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại

3.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Hãng hàng không gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho hãng hàng không và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Các hình thức phù hợp khác.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Bản chính văn bản đề nghị đăng ký theo mẫu;
- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định tương ứng tại điểm b khoản 3 và khoản 4 của Điều 26 Nghị định 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản cho sử dụng thương hiệu của chủ sở hữu thương hiệu.

b) Số lượng: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng thương hiệu của hãng hàng không khác đối với hãng hàng không kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị đăng ký sử dụng thương hiệu.

3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014.

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

3.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:**3.12.1. Mẫu đơn**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
(Nội dung đăng ký sử dụng thương hiệu)

Kính gửi: (tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

1. Tên doanh nghiệp:
 Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:
 Tên doanh nghiệp viết tắt:
 Tên thương mại:
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại: Fax: Email: Website:
 Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không
 chung vì mục đích thương mại số: Do: cấp ngày.....
 tháng.....năm..... tại.....

3. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:Giới tính.....

- Chức danh:

- Ngày tháng năm sinh:/...../.....Quốc tịch:.....

- Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân:.....

hoặc số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

-住所 hiện tại:

Chúng tôi đề nghị đăng ký các nội dung cụ thể như sau:

Nội dung đăng ký:

Lý do đăng ký:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Đối với tổ chức;

Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên/

Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp lệ của tổ chức)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên/

Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp lệ của cá nhân)

Kèm theo Đơn đề nghị:

-

-

Hướng dẫn:

- Công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai các thông tin giới tính, quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, chỗ ở hiện tại trong Đơn đề nghị.
- Công dân cung cấp thông tin về Hộ chiếu khai đầy đủ thông tin theo mẫu đơn

3.12.2. Mẫu kết quả

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(tên cơ quan thẩm định hoặc
 cấp Giấy đăng ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
(Nội dung đăng ký sử dụng thương hiệu)

Các căn cứ.....
(tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký) chứng nhận hãng hàng không
 dưới đây:

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt

Tên thương mại:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax: Email:Website:

Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không
 chung vì mục đích thương mại số: Do: ...cấp ngày
 tháng.....năm.....tại.....

3. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:Giới tính.....

- Chức danh:

- Ngày tháng năm sinh: / /Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân:.....

hoặc số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

- Chỗ ở hiện tại:

- Điện thoại:Fax:Email:

đã hoàn thành thủ tục đăng ký: (nội dung đăng ký)

Số đăng ký:

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu: VT.

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
THẨM ĐỊNH HOẶC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

4. Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung

4.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người đề nghị gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời người đề nghị và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp Bộ Giao thông vận tải không chấp thuận kết quả thẩm định thì có văn bản trả lời Cục Hàng không Việt Nam và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải, Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung. Trường hợp không cho phép, Thủ tướng Chính phủ thông báo tới Bộ Giao thông vận tải và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép theo mẫu hoặc thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc không cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Bằng các hình thức phù hợp khác.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Báo cáo (kèm tài liệu chứng minh) về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh vận chuyển hàng không trong đó gồm các nội dung: Phương án về số lượng tàu bay dự kiến khai thác; phương án tổ chức bộ máy bảo đảm khai thác tàu bay, kinh doanh vận tải hàng không, phương án kinh doanh và chiến lược phát triển sản phẩm; nhãn hiệu dự kiến sử dụng; sơ đồ bộ máy tổ chức của doanh nghiệp;

- Bản chính văn bản xác nhận vốn;
- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các giấy tờ sau: quyết định bổ nhiệm, hợp đồng lao động, bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của những người phụ trách quy định tại Điều 7 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
- Hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận về việc mua, thuê mua hoặc thuê tàu bay;
- Bản sao Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp;
- Danh sách thành viên, cổ đông tại thời điểm nộp hồ sơ; danh sách thành viên, cổ đông phải đảm bảo đầy đủ các thông tin: Họ và tên; ngày tháng năm sinh; quốc tịch; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở hiện tại; tỷ lệ phần vốn góp hay số cổ phần nắm giữ; người đại diện quản lý phần vốn góp đối với thành viên, cổ đông là tổ chức; thỏa thuận góp vốn của các cổ đông, thành viên (bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung.

4.8. Phí, lệ phí: 20.000.000 đồng.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ khai đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung .

4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014.

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 8 ngày 11 tháng 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

4.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:**4.12.1. Mẫu tờ khai**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/
Giấy phép kinh doanh hàng không chung

Kính gửi:(tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)Giới tính:

Chức danh:

Ngày tháng năm sinh:/...../..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân:

hoặc số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty:

Mã số doanh nghiệp:

Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Tên thương mại:

Nhãn hiệu:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:Email:Website:

Mã số doanh nghiệp:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	
2	
...	

4. Vốn điều lệ:

Tổng số:

Phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại danh sách thành viên.

5. Vốn tối thiểu:

6. Tên, địa chỉ chi nhánh:

7. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

8. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các thành viên cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép.

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

*(Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên/
Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp lệ của tổ chức, cá nhân)*

Kèm theo đơn đề nghị:

-
-
-

Hướng dẫn:

- Công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai các thông tin quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, giới tính, chỗ ở hiện tại trong Tờ khai.
- Công dân cung cấp thông tin về Hộ chiếu khai đầy đủ thông tin theo mẫu đơn.

4.12.2. Mẫu kết quả

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG/
GIẤY PHÉP KINH DOANH HÀNG KHÔNG CHUNG

Số:

- Ngày cấp:
- Ngày cấp lại lần thứ nhất:
- Ngày cấp lại lần thứ hai:
1. Tên doanh nghiệp:
2. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:
3. Tên doanh nghiệp viết tắt:
4. Tên thương mại:
5. Địa điểm trụ sở chính:
6. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
7. Phạm vi kinh doanh
- 7.1. Đối với kinh doanh vận chuyển hàng không, bao gồm:
- a) Đối tượng vận chuyển (hành khách, hàng hóa, bưu kiện):
- b) Loại hình vận chuyển (thường lệ, không thường lệ):
- c) Phạm vi vận chuyển (quốc tế, nội địa):
- 7.2. Đối với kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại
- a) Loại hình dịch vụ hàng không chung:
- b) Khu vực cung cấp dịch vụ hàng không chung:
8. Vốn điều lệ:
- a) Tổng số:; có hoặc không có vốn nước ngoài:
- b) Chủ sở hữu; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập và phần vốn góp của mỗi thành viên, cổ đông sáng lập đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần:
9. Tên, địa chỉ chi nhánh:
10. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:
11. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số Chứng minh thư nhân dân (Thẻ căn cước công dân) hoặc số Hộ chiếu, nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....
-
- 1.....
-

BỘ TRƯỞNG*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

¹ **Ghi chú:** Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng, bị rách phải ghi: “Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đã cấp số.... ngày.....tháng... năm....”

5. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung

5.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không gửi hồ sơ cấp lại giấy phép trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

* Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung Giấy phép:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải cấp lại giấy phép theo mẫu. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản tới Cục Hàng không Việt Nam để trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét cấp lại giấy phép theo mẫu. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản tới Cục Hàng không Việt Nam để trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* Đối với giấy phép cấp lại do bị hủy:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời người đề nghị và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải cấp lại giấy phép theo mẫu. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản tới Cục Hàng không Việt Nam để trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Bằng các hình thức phù hợp khác.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Trường hợp cấp lại do Giấy phép bị hủy

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

+ Báo cáo (kèm tài liệu chứng minh) về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh vận chuyển hàng không trong đó gồm các nội dung: Phương án về số lượng tàu bay dự kiến khai thác; phương án tổ chức bộ máy bảo đảm khai thác tàu bay, kinh doanh vận tải hàng không, phương án kinh doanh và chiến lược phát triển sản phẩm; nhãn hiệu dự kiến sử dụng; sơ đồ bộ máy tổ chức của doanh nghiệp;

+ Bản chính văn bản xác nhận vốn;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các giấy tờ sau: quyết định bổ nhiệm, hợp đồng lao động, bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của những người phụ trách quy định tại Điều 7 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

+ Hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận về việc mua, thuê mua hoặc thuê tàu bay;

Danh sách thành viên, cổ đông tại thời điểm nộp hồ sơ; danh sách thành viên, cổ đông phải đảm bảo đầy đủ các thông tin: Họ và tên; ngày tháng năm sinh; quốc tịch; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở hiện tại; tỷ lệ phần vốn góp hay số cổ phần nắm giữ; người đại diện quản lý phần vốn góp đối với thành viên, cổ đông là tổ chức; thỏa thuận góp vốn của các cổ đông, thành viên (bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu).

- Trường hợp cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

+ Các tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có).

- Trường hợp cấp lại do Giấy phép mất, rách, hỏng: Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.

b) Số lượng: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép: 18 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;

- Trường hợp cấp lại do Giấy phép bị mất, rách, hỏng: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;

- Trường hợp cấp lại do Giấy phép bị hủy: 18 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung.

5.8. Phí, lệ phí:

- Cấp lại do thay đổi nội dung: 15.000.000 đồng/lần.

- Cấp lại do mất, rách, hỏng: 5.000.000 đồng/lần.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ khai đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung.

5.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014.

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 8 ngày 11 tháng 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

5.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:**5.12.1. Mẫu tờ khai**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/
Giấy phép kinh doanh hàng không chung

Kính gửi:(tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)Giới tính:

Chức danh:

Ngày tháng năm sinh:/...../..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân:

hoặc số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty:

Mã số doanh nghiệp:

Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Tên thương mại:

Nhãn hiệu:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:Email:Website:

Mã số doanh nghiệp:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	
2	
...	

4. Vốn điều lệ:

Tổng số:

Phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại danh sách thành viên.

5. Vốn tối thiểu:

6. Tên, địa chỉ chi nhánh:

7. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

8. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các thành viên cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép.

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

*(Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên/
Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp lệ của tổ chức, cá nhân)*

Kèm theo đơn đề nghị:

-
-
-

Hướng dẫn:

- Công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai các thông tin quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, giới tính, chỗ ở hiện tại trong Tờ khai.
- Công dân cung cấp thông tin về Hộ chiếu khai đầy đủ thông tin theo mẫu đơn.

5.12.2. Mẫu kết quả
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG/
 GIẤY PHÉP KINH DOANH HÀNG KHÔNG CHUNG**

Số:

- Ngày cấp:
 Ngày cấp lại lần thứ nhất:
 Ngày cấp lại lần thứ hai:
 1. Tên doanh nghiệp:
 2. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:
 3. Tên doanh nghiệp viết tắt:
 4. Tên thương mại:
 5. Địa điểm trụ sở chính:
 6. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
 7. Phạm vi kinh doanh
 7.1. Đối với kinh doanh vận chuyển hàng không, bao gồm:
 a) Đối tượng vận chuyển (hành khách, hàng hóa, bưu kiện):
 b) Loại hình vận chuyển (thường lệ, không thường lệ):
 c) Phạm vi vận chuyển (quốc tế, nội địa):
 7.2. Đối với kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại
 a) Loại hình dịch vụ hàng không chung:
 b) Khu vực cung cấp dịch vụ hàng không chung:
 8. Vốn điều lệ:
 a) Tổng số:; có hoặc không có vốn nước ngoài:
 b) Chủ sở hữu; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập và phần vốn góp của mỗi thành viên, cổ đông sáng lập đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần:
 9. Tên, địa chỉ chi nhánh:
 10. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:
 11. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số Chứng minh thư nhân dân (Thẻ căn cước công dân) hoặc số Hộ chiếu, nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

 1.....

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

¹ **Ghi chú:** Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng, bị rách phải ghi: “Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đã cấp số.... ngày.....tháng... năm....”

6. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

6.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

a) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo mẫu. Trường hợp không cấp giấy phép Cục Hàng không Việt Nam phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời hướng dẫn người đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Bản sao tài liệu giải trình của doanh nghiệp về việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Bản chính hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính văn bản xác nhận vốn trừ trường hợp doanh nghiệp có tổ chức bộ máy bảo đảm việc cung ứng các dịch vụ hàng không liên quan tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

b) Số lượng: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

6.8. Phí, lệ phí:

- Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không quốc tế: 50.000.000 đồng
- Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không khác: 30.000.000 đồng

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ khai cấp/cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không.

6.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014.

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 8 ngày 11 tháng 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

6.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:**6.12.1 Mẫu tờ khai****TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v đề nghị cấp/cấp lại

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm***TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không (sân bay).....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật¹ (ngày tháng năm sinh, giới tính, Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân).

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị²: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC**Ghi chú:**

¹ Đối với công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai thông tin về giới tính.

² Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp/địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

6.12.2. Mẫu kết quả

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: /GPCCDV-CHK	
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY Cấp lần đầu: Cấp lần thứ:	
TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG:	
SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG	
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY NƠI CUNG CẤP DỊCH VỤ:	
LĨNH VỰC DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP:	
PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ	
GHI CHÚ:	
Ngày, tháng, năm cấp: / /	CỤC TRƯỞNG

7. Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

7.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; trường hợp không cấp phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

- Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Bản sao các tài liệu có liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy phép (nếu có).

b) Số lượng: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

7.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

7.8. Phí, lệ phí:

a) Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không quốc tế:

- Cấp lại do thay đổi nội dung: 30.000.000 đồng;
- Cấp lại do bị mất, rách, hỏng: 5.000.000 đồng.

b) Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không khác:

- Cấp lại do thay đổi nội dung: 20.000.000 đồng;
- Cấp lại do bị mất, rách, hỏng: 5.000.000 đồng.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ khai cấp/ cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không.

7.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014.

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 8 ngày 11 tháng 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

7.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:**7.12.1 Mẫu tờ khai****TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v đề nghị cấp/cấp lại

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm***TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không (sân bay).....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật¹ (ngày tháng năm sinh, giới tính, Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân).

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị²: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).**Nơi nhận:**

-

-

GIÁM ĐỐC**Ghi chú:**¹ Đối với công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai thông tin về giới tính.² Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp/địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

7.12.2. Mẫu kết quả

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: /GPCCDV-CHK	
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY Cấp lần đầu: Cấp lần thứ:	
TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG:	
SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG	
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY NƠI CUNG CẤP DỊCH VỤ:	
LĨNH VỰC DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP:	
PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ	
GHI CHÚ:	
Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....	CỤC TRƯỞNG